

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 8 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ngọc Canh;
2. Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Văn D, sinh năm 1968 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Ấp Bung R, xã Hưng Đ, huyện Tân H, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường An T, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Huỳnh Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 2012 và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ, huyện Tân H, tỉnh Long An. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Năm 2015, giữa ông với bà L bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bà L tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh

sống từ năm 2015 cho đến nay. Ông nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được.

Nay, ông Huỳnh Văn D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn D yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Huỳnh Nhựt C, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14/6/2015, ông Huỳnh Văn D thống nhất giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, ông Huỳnh Văn D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh Đồng Tháp đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị L đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng bà Nguyễn Thị L không ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn và không đến Tòa án nhân dân thị xã H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp luật; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Ông D và bà L được ly hôn; về con chung: Bà L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung tên Huỳnh Nhựt C, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14/6/2015 (cháu C và cháu M đang sống chung với bà L, cháu C có nguyện vọng sống với bà L); về cấp dưỡng: Ông D thống nhất cấp dưỡng cho mỗi một người con hàng tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở; thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị L đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Huỳnh Văn D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Nguyễn Thị L được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã H thụ lý, giải

quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Huỳnh Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Ngày 22 tháng 11 năm 2012, ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị L đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đ, huyện Tân H, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông và bà L chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân hơn 05 năm nay, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

[4] Ông D nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được; đồng thời, Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo thụ lý vụ án,... nhưng bà Nguyễn Thị L cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của Ông D. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận cho ly hôn.

[5] Về con chung: Ông D thống nhất giao 02 người con chung tên Huỳnh Nhựt C, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14/6/2015 cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng, còn bà L không ý kiến và các con đang sống cùng với bà L, cháu C có nguyện vọng sống với bà L. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng: Ông D thống nhất cấp dưỡng cho mỗi một người con hàng tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở; thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[9] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H: Về hôn nhân: Ông D và bà L được ly hôn; về con chung: Bà L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung tên Huỳnh Nhựt C, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14/6/2015 (cháu C và cháu M đang sống chung với bà L); về cấp dưỡng: Ông D thống nhất cấp dưỡng cho mỗi một người con hàng tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở; thời gian cấp dưỡng từ tháng 8

năm 2020 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, bà L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết là có chứng cứ, nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vậy, ông Huỳnh Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000đồng; bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị L được ly hôn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên Huỳnh Nhựt C, sinh ngày 24/10/2012 và Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 14/6/2015 (cháu Huỳnh Nhựt C và cháu Nguyễn Ngọc M đang sống chung với bà Nguyễn Thị L).

Về cấp dưỡng: Ông Huỳnh Văn D thống nhất cấp dưỡng cho 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Nhựt C, Nguyễn Ngọc M, mỗi một người con hàng tháng là $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở; thời gian cấp dưỡng từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Huỳnh Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng:

Ông Huỳnh Văn D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000đồng, tổng cộng 600.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0001294 ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh Đồng Tháp; ông Huỳnh Văn D còn phải nộp thêm 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng;

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

Ông Huỳnh Văn D và bà Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã H;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung